

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-PT

Ngày: 15/5/2020

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Thảo

Bà Phạm Thị Xuân Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường 7 - Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS -ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Châu Hoài Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 1053, Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Ông Châu Hoài Ph, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Bị đơn:

1. Bà Châu Hoài Phương D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Ông Châu Hoài Nhật T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

3. Ông Châu Hoài Phú C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn (Ông Châu Hoài Nhật T, Châu Hoài Phú C, Bà Châu Hoài Phương D):

Ông Trương Tiến D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 73B, Hà Huy Gi, phường Qu, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
Là Luật sư Văn phòng Luật sư Trương Tiến D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Q, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Bà Lâm Tuyết L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

3. Người đại diện hợp pháp của bà Linh: Ông Châu Hoài Nhật T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/11/2016) (có mặt).

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Châu Hoài Phú C, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/11/2016) (có mặt).

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 1053, Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

6. Anh Châu Hoàng Lâm V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 1053, Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

7. Chị Châu Thị Như Ng, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 1053, Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

8. Anh Châu Hoàng Thiên Tr, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 1053, Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà H, anh V, chị Ng, anh Tr: ông Châu Hoài Đ là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018) (có mặt).

9. Anh Châu Minh Nh, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 32, khu phố Trần Cao V, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

10. Người đại diện hợp pháp của anh Nh: Ông Châu Hoài Ph là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018) (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Châu Hoàng Đ, ông Châu Hoàng Ph.

Bị đơn: Châu Hoài Phương D, Châu Hoài Phú C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đồng nguyên đơn ông Châu Hoài Đ, Ông Châu Hoài Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, anh Châu Hoàng Lâm V, chị Châu Thị Như Ng do ông Châu Hoài Đ đại diện; anh Châu Minh Nh do Ông Châu Hoài Ph đại diện thống nhất trình bày.

Cụ Châu Quang Ngh chết ngày 05/01/2014 và cụ Nguyễn Thị Huỳnh H chết ngày 03/7/2014. Cụ Ngh và cụ H có 05 người con là Châu Hoài Đ, Châu Hoài Ph, Châu Hoài Phương D, Châu Hoài Nhật Tvà Châu Hoài Phú C. Ngoài ra, cụ Ngh, cụ H không có con nuôi hay con riêng nào khác. Cha mẹ của cụ Ngh, cụ H đã chết. Cả hai cụ trước khi chết đều không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống cụ Ngh, cụ H đã tạo dựng được khối tài sản gồm có:

01. Quyền sử dụng đất có diện tích 3.674m² thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 17, được Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K476953 ngày 15 tháng 10 năm 2001 cho hộ cụ Châu Quang Ngh. Theo Bản đồ hiện trạng số 430/2017, số 427/2017 ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện Th thì thửa đất số 634, tờ bản đồ số 17 nay là thửa đất số 126 có diện tích 2003,6m² và thửa đất số 98 có diện tích 1.358m² cùng tờ bản đồ số 4, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 dãy chuồng heo 03 ngăn; 07 ngăn chuồng heo; 01 cây mận loại A; 07 cây dừa loại A; 06 cây dâu loại A; 01 cây cam loại A; 01 cây chanh loại A; cụ Ngh và ông C xây dựng chung 01 nhà tạm diện tích 42,16m².

- Tài sản của vợ chồng ông C trên đất gồm có: 01 nhà kho có kết cấu tường xây gạch không tô, lợp tôn, diện tích 12,5m²; 01 cái bồn đựng nước bằng ống bê tông cốt thép có đường kính 1,2 mét; 01 dãy chuồng heo kết cấu móng đá chẻ, cột gạch, tường xây tô, mái lợp tôn, nền xi măng diện tích 95,36m²; một con đường lát đá chẻ diện tích 69m² khi xây dựng khoảng 4.000.000 đồng, trong đó ông Đ đóng góp 1.000.000 đồng; tường rào kết cấu móng đá chẻ, cột gạch chiều ngang 03 mét, cao 02 mét, cổng khung sắt lùa bọc tôn chiều rộng 5 mét, chiều cao 02 mét, trụ bê tông; 01 giếng nước đường kính 01 mét, sâu 3,5 mét; cụ Ngh và ông C xây dựng chung 01 nhà tạm diện tích 42,16m²; 01 bức tường rào đá chẻ, cột gạch chiều cao 2,5m, dài 08m; 01 bức tường đá chẻ cao 2,5m dài 28m; 02 ngăn chuồng heo; 01 cây sapuche loại A; 01 cây xoài loại A; 03 cây bơ loại A, 01 cây mận loại A; 23 cây dừa loại B, 03 cây loại A; 29 cây măng cụt loại A; 05 cây chôm chôm loại A; 510m² cây lá dứa; 08m² cây lá dong; 58 cây cau loại A, 20 cây loại B; 01 cây me loại A; 20 cây bưởi trong đó 01 cây loại A, 19 cây loại B; 01 cây sầu riêng loại A.

-Tài sản của ông Đ, bà H trên đất gồm có: 01 nhà tắm diện tích 1,28m²; 01 căn nhà cấp 4, tường ván gỗ, lợp tôn, nền lát gạch tàu diện tích 78,2 m²; 01 ngăn chuồng heo; .

2. Quyền sử dụng đất có diện tích 183m² thuộc thửa đất số 508, tờ bản đồ số 17, được Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K476953 ngày 15 tháng 10 năm 2001 cho hộ cụ Châu Quang Ngh. Theo Bản đồ hiện trạng số 426/2017 ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện Th thì thửa đất số 508, tờ bản đồ số 17 nay là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 41 có diện tích 201m² thuộc xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền với đất do cụ Ngh, cụ H tạo dựng gồm: 01 căn nhà cấp 4 hạng 2 diện tích 84,79 m²; 01 giếng đào sâu 10 mét; sân láng bê tông 58,32 m².

Tài sản vật kiến trúc do ông C, bà T xây dựng trên đất gồm: 01 căn nhà ở dưới cấp 4 liền kề sau nhà chính diện tích 57,89 m²; mái hiên tầng trệt 19,95 m²; cổng, tường rào bao quanh nhà, kết cấu móng cột gạch xây cao 0,5 mét, trên khung sắt bọc lưới B40 diện tích 40,91m² do cụ Ngh, ông C xây dựng 50/50.

Tài sản vật kiến trúc do bà D xây dựng trên đất gồm: Nhà ở của tầng một, diện tích 28,86 m² và toàn bộ lan can tại lầu 1.

3. Quyền sử dụng đất có diện tích 2.692m² thuộc thửa đất số 20, 21, tờ bản đồ số 10, xã Xuân Th, huyện Long Kh (cũ), tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện Long Kh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C661971 ngày 01 tháng 10 năm 1994 cho hộ cụ Châu Quang Ngh. Theo Bản đồ hiện trạng số 434/2017 ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện Th thì nay là thửa đất số 132 có diện tích 569,4m², thửa đất số 149 có diện tích 1.231,1m², thửa đất số 150 có diện tích 767,8m², tờ bản đồ số 35, xã Xuân Th, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

4. Quyền sử dụng có diện tích 5.585m² thuộc thửa đất số 240, 243, tờ bản đồ số 8, xã Xuân Th, huyện Long Kh, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện Long Kh (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C661971 ngày 01 tháng 10 năm 1994 cho hộ cụ Châu Quang Ngh. Theo Bản đồ hiện trạng số 435/2017 ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện Th thì nay là thửa đất số 16a có diện tích 5.577,5m², tờ bản đồ số 26, xã Xuân Th, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Châu Hoài Đ yêu cầu:

+ Chia di sản trên theo quy định của pháp luật cho 05 kỹ phần thừa kế, ông được nhận bằng hiện vật là 417,4m² đất thuộc thửa 98a và 436,4m² đất thuộc thửa 126a, tờ bản đồ số 41, tại xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, tài sản gắn liền gồm: 01 căn nhà cấp 4, tường ván gỗ, lợp tôn, nền lát gạch tàu diện tích 78,2 m² do vợ chồng ông xây dựng. Công trình trên đất do ông C xây dựng: 01 dãy chuồng heo 03 ngăn diện tích; 01 nhà kho diện tích; 01 cái bồn đựng nước; đường lát đá chẻ; cổng + tường và cây trồng trên đất gồm 01 cây loại A sapoche; 01 cây xoài loại A; 01 cây bơ loại A; 01 cây mận loại A; 04 cây dừa (trong đó 03 cây loại B, 01 cây loại A); 03 cây măng cụt loại A; 01 cây chôm chôm loại

A; 10m² cây lá dứa; 08m² cây lá dong; 03 cây cau loại A; 05 gốc chuối, ông đồng ý thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông C.

+ Chia cho ông và ông Ph sử dụng chung 2.568,3m² đất, thuộc các thửa đất số 20, 21, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc các thửa đất số 132, 149, 150, tờ bản đồ số 35) xã Xuân Th, huyện Th, tỉnh Đồng Nai. Ông yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán cho ông số tiền chênh lệch khi chia thừa kế nếu có.

- Ông Châu Hoài Ph yêu cầu:

+ Chia cho ông 290,8 m² đất thuộc thửa 98b và 596,7m² đất thuộc thửa 126b, tờ bản đồ số 41, tại xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, tài sản gắn liền với đất gồm: 01 dãy chuồng heo 03 ngăn, tường xây không tô, mái lợp tôn diện tích 29m²; 01 căn nhà tạm có diện tích 42,16m²; 01 nhà tắm có diện tích 1,28m²; 01 giếng đào nước đường kính 01 mét, sâu 3,5 mét; 01 bức tường rào kết cấu móng đá chẻ, cột gạch, cao 2,5 mét, có chiều dài 08 mét; 15 cây bưởi loại B; 01 cây sầu riêng loại A; 10 cây dừa loại B; 14 cây cau loại A, 20 cây cau loại B; 07 cây măng cụt loại A; 01 cây chôm chôm loại A.

+ Chia cho ông và ông Đ sử dụng chung 2.568,3m² đất, thuộc các thửa đất số 20, 21, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc các thửa đất số 132, 149, 150; tờ bản đồ số 35) xã Xuân Th, huyện Th, tỉnh Đồng Nai,

Ông Ph đồng ý thanh toán toàn bộ trị giá tài sản trên cho ông C. Ông Ph yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán cho ông số tiền chênh lệch khi chia thừa kế.

Một phần căn nhà tạm ông yêu cầu được nhận nằm trên một phần diện tích đất mà ông Ph yêu cầu chia, ông và ông Đ sẽ tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đồng bị đơn Bà Châu Hoài Phương D, Ông Châu Hoài Nhật T và Ông Châu Hoài Phú C - người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Tuyết L (ủy quyền cho ông T), bà Trần Thị T (ủy quyền cho ông C) thông nhất trình bày:

Về hàng thừa kế và tài sản các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như đồng nguyên đơn trình bày như trên là đúng.

Đồng bị đơn không đồng ý chia đôi với các di sản trên và yêu cầu cụ thể như sau:

1. Đối với thửa đất số 634, tờ bản đồ số 17 nay là thửa đất số 98 và 126, tờ bản đồ số 41, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai có diện tích 3.361m², khi cụ Ngh và cụ H còn sống đã nói miệng chia đều cho 05 người con nên đồng bị đơn không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn.

2. Thửa đất số 508, tờ bản đồ số 17 nay là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 41 có diện tích 201m² tại xã B, huyện Th, tài sản trên đất là nhà thờ cúng. Đồng bị đơn thống nhất giao cho Ông Châu Hoài Phú C quản lý, sử dụng.

3. Thửa đất số 20, 21, tờ bản đồ số 10 cũ nay là thửa đất số 132, 149, 150, tờ bản đồ số 35 có diện tích 2.568,3m² tại xã Xuân Th, huyện Th. Đồng bị đơn yêu cầu chia thành 05 phần bằng nhau và yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

4. Thừa đất số 16a, tờ bản đồ số 26 có diện tích đất 5.577,5m² tại xã Xuân Th, huyện Th, khi cụ Ngh cụ H còn sống đã chuyển nhượng cho ông T 07 lượng vàng 24k, ông T đã thanh toán cho cụ Ngh cụ H 03 lượng vàng. Còn lại 04 lượng vàng, cụ Ngh, cụ H có hứa cho ông T 1,5 lượng. Ông T còn nợ cụ Ngh, cụ H 2,5 lượng vàng 24k, số vàng này ông T sẽ nhập vào khối di sản thừa kế để chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai Q trình bày:

Bà từ Bắc vào Nam để làm ăn nên được cụ Ngh, cụ H cưới mang, bà sống cùng hai cụ từ năm 1994, sau khi hai cụ mất bà ở nhà của hai cụ cho đến năm 2017. Bà có chứng kiến việc mua bán rẫy giữa hai cụ với ông T. Bà xác định cụ H, cụ Ngh đã bán rẫy cho ông T với giá 7,5 lượng vàng 24k, cụ H có nói cho ông T 1,5 lượng còn 06 lượng vàng sẽ cho ông T trả dần. Ông T đã trả cho cụ H 02 lượng vàng và 01 lượng vàng bán di sản của bà nội phân ông T được chia thì cụ Ngh, cụ H giữ lại và trừ vào số vàng bán đất. Quá trình ở nhờ bà không đầu tư gì trên đất, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà cam đoan lời khai của bà là đúng sự thật. Do bà bận làm ăn, nên bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 04/2019/DS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th đã căn cứ Điều 623; Điều 634; Điều 635; Điều 674; điểm a khoản 1 Điều 675; điểm a khoản 1 Điều 676; Điều 685; Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” của đồng nguyên đơn ông Châu Hoài Đ, Ông Châu Hoài Ph đối với Bà Châu Hoài Phương D, Ông Châu Hoài Phú C, Ông Châu Hoài Nhật T về việc chia di sản thừa kế của cụ Châu Quang Ngh, cụ Nguyễn Thị Huỳnh H theo pháp luật.

2. Công nhận diện tích 3.361m² đất thuộc thửa thuộc các thửa 98 và 126, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại xã Bàu Hàm 2 (nay thuộc thị trấn D), huyện Th, tỉnh Đồng Nai, hai ngăn chuồng heo (1), 03 ngăn chuồng heo (2), ½ căn nhà tạm, 07 ngăn chuồng heo và cây trồng: Mận 01 cây; Dừa 07 cây; Dâu gia 06 cây; Cam 01 cây; Chanh 01 cây; Diện tích 201m² đất thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 17 (nay thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 41) tọa lạc tại xã Bàu Hàm 2 (nay thuộc thị trấn D) và 01 căn nhà tầng trệt diện tích 84,79m², 01 giếng đào, sân bê tông diện tích 58,32m², ½ cổng, tường rào và diện tích 2.568,3m² đất thửa 20, 21, tờ bản đồ số 10 cũ (nay là thửa 132, 149, 150, tờ bản đồ số 35 mới) tọa lạc tại xã Xuân Thạnh (nay thuộc xã Hưng Lộc) và 254.971.428 đồng anh Tân đang quản lý. Tổng cộng giá trị tài sản là 1.870.770.639 đồng là di sản của cụ Ngh, cụ H.

3. Chia cho ông Châu Hoài Đ diện tích 417,4m² đất thuộc thửa 98a, tờ bản đồ số 41 xã B, (nay thuộc thị trấn D) được giới hạn bởi các mốc

(1,2,3...15,1) tại Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số: 428/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Th thực hiện ngày 24/3/2017 và diện tích 436,4m² đất thuộc thửa 126a, tờ bản đồ số 41 xã Bàu Hàm 2, (nay thuộc thị trấn D) được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,1) tại Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số: 431/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Th thực hiện ngày 24/3/2017.

Ông Đ và bà H được sở hữu căn nhà cấp 4, tường ván gỗ, lợp tôn, nền lát gạch tàu diện tích 78,2m², 01 dãy chuồng heo 03 ngăn; một nhà kho diện tích 12,50m²; 01 cái bồn đựng nước; một dãy chuồng heo diện tích 95,36m²; một đường lát đá chẻ diện tích 69m²; 08 mét cổng + tường rào và cây trồng: sapoche 01 (một) cây; xoài 01 cây; bơ 01cây; mận 01cây; dừa nhỏ 03 cây, dừa lớn 01 cây; măng cụt 03 cây; chôm chôm 01 cây; 10m² cây lá dứa; 08m² cây lá dong; cau 03 cây. Khi án có hiệu lực ông C có nghĩa vụ giao cho ông Đ các vật kiến trúc và cây trồng trên đất do ông đang quản lý. Ông Đ được nhận tài sản quy đổi giá trị là 293.109.000 đồng, ông còn được nhận tiền chênh lệch giá trị tài sản từ ông Clà 81.045.138 đồng.

Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Châu Hoài Phú C giá trị vật kiến trúc và cây trồng là: 96.271.200 đồng.

4. Chia cho Ông Châu Hoài Ph được quyền sử dụng diện tích 290,8 m² đất thuộc thửa 98b tờ bản đồ số 41 xã Bàu Hàm 2 (nay thuộc thị trấn D), huyện Th, tỉnh Đồng Nai được giới hạn bởi các mốc giới (1,2,3....9,1) theo trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 429/2017 và diện tích 596,7m² đất thuộc thửa 126b tờ bản đồ số 41 xã Bàu Hàm 2 (nay thuộc thị trấn D), huyện Th và được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,1) do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Th lập ngày 24/3/2017 và được sở hữu căn nhà tạm diện tích 42,16m².

Ông Ph được sở hữu 01 dãy chuồng heo 03 ngăn diện tích 29m², một nhà tắm 1,28m², 01 giếng đào; tường rào phía trước chiều ngang 08m x cao 02 mét và cây trồng trên đất gồm 15 cây bưởi; 03 cây sầu riêng; 10 cây dừa; 14 cây cau lớn; 20 cây cau nhỏ; 10 cây măng cụt; 04 cây chôm chôm. Khi án có hiệu lực phát luật ông C có nghĩa vụ giao các tài sản đang quản lý cho ông Phương. Ông Ph có nghĩa vụ thanh toán cho ông C giá trị vật kiến trúc và cây trồng cho ông C đầu tư là: 22.865.000 đồng.

Như vậy ông Ph được nhận hiện vật quy giá trị là 312.460.400 đồng và được nhận tiền chênh lệch chia tài sản từ Ông Châu Hoài Phú C là 61.693.738 đồng.

5. Chia cho ông Đ, ông Ph sử dụng chung diện tích 2.568,3m² đất thuộc một phần các thửa 20, 21, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc các thửa 132, 149, 150; tờ bản đồ số 35) tọa lạc tại xã Xuân Thạnh (nay thuộc xã Hưng Lộc), huyện Th, tỉnh Đồng Nai được xác định bởi mốc giới (1,2,3,4...24,1). Theo trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số 434/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Th lập ngày 24/3/2017.

6. Chia cho Ông Châu Hoài Phú C được sở hữu căn nhà diện tích 89,79m² và được chia diện tích 201m² đất thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại xã Bàu Hàm 2 (nay thuộc thị trấn D), huyện Th, tỉnh Đồng Nai, được giới hạn bởi các mốc giới (1,2,3,4,5,6,1) theo Trích lục và đo tách thửa đất bản đồ địa chính số: 426/2017 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Th lập ngày 24/3/2017 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Giá trị tài sản ông C được nhận quy giá trị là: 599.260.316 đồng, ông C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ là 81.045.138 đồng cho Ông Châu Hoài Ph là 61.693.738 đồng cho ông T là 78.513.348 đồng.

Ghi nhận Bà Châu Hoài Phương D không yêu cầu Ông Châu Hoài Phú C thanh toán giá trị nhà ở tầng lầu diện tích là 28,86m² trong vụ án này. Ông C đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản ông được chia.

7. Chia cho Bà Châu Hoài Phương D diện tích 1.620,3m² đất thuộc một phần các thửa 98 và 126 (phần còn lại), tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại xã Bàu Hàm 2 (nay thuộc thị trấn D), huyện Th, tỉnh Đồng Nai có tứ cận hướng đông tiếp giáp với đất ông Ph được chia, hướng Tây giáp đất ông Dũng, Hướng Nam giáp đất ông Vỹ, hướng bắc giáp đường xóm chùa và toàn bộ tài sản gắn liền với đất do cụ Ngh, cụ H, ông C đầu tư theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2017. Tổng trị giá hiện vật bà D được chia quy giá trị là 414.823.500 đồng, bà D phải thanh toán chênh lệch trị giá tài sản cho ông T là 40.669.362 đồng. Bà D đang trực tiếp quản lý sử dụng toàn bộ tài sản được chia.

Ghi nhận Ông Châu Hoài Phú C không yêu cầu Bà Châu Hoài Phương D thanh toán giá trị cây trồng, vật kiến trúc trên đất được chia do ông C đầu tư trong vụ án này.

Các sơ đồ bản vẽ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Th kèm theo nói trên là bộ phận không tách rời của bản án này. Các đương sự được quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

8. Ông Châu Hoài Nhật T được chia 254.971.428 đồng (ông T đang quản lý số tiền này), Ngoài ra ông T còn được nhận từ Ông Châu Hoài Phú C số tiền là 78.513.348 đồng, nhận từ Bà Châu Hoài Phương D số tiền là 40.669.362 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2019, nguyên đơn ông Châu Hoài Đ và Ông Châu Hoài Ph kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm 04/2019/DS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét trong diện tích diện tích 5.577,5m² thuộc thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 26, xã Xuân Th, huyện Th ông Nghiêm chỉ chuyển nhượng cho ông T 3.852m², còn 1.725m² ông Nghiêm chưa chuyển nhượng. Ngoài ra ông Đ kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm chia cho ông được sở hữu chuồng heo nhưng không có, 01 cây dừa, 01 cây chôm chôm nhưng

cây đã chết; ông Ph kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm chia cho ông 02 cây chôm chôm, 02 cây măng cụt, 01 cây sầu riêng nhưng những cây này đã chết; 01 căn nhà tạm diện tích 42,16m² trị giá 4.795.700 đồng nhưng cấp sơ thẩm tuyên căn nhà tạm trị giá 9.591.000 đồng;

Ngày 27/8/2019, bị đơn Ông Châu Hoài Phú C và bà Châu Hoài Phương Dung kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm 04/2019/DS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét chia cho ông C xin phần đất tại thửa 98 và thửa 126 tờ bản đồ số 41, xã Bàu Hàm, huyện Th và phần đất tại thửa đất số 132, 149, 150, tờ bản đồ số 35, xã Xuân Th, huyện Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ông Trương Tiến D trình bày:

Phần đất có diện tích 3.361m² đất thuộc thửa đất số 98, 126, tờ bản đồ số 41, xã B, huyện Th là đất trồng cây lâu năm, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia các thừa kế của cụ Ngh và cụ H, nhưng lại chưa hỏi cơ quan có thẩm quyền về việc có được phép tách thửa với diện tích trên hay không là chưa đúng quy định.

Đối với phần đất có diện tích 5.577,5m² thuộc thửa đất số 240, 243, tờ bản đồ số 8 (nay thuộc thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 26) xã Xuân Th, huyện Th không còn là di sản thừa kế của cụ Ngh và cụ H để lại là có căn cứ, mà chỉ còn 04 cây vàng là giá trị chuyển nhượng diện tích đất trên ông T còn thiếu nợ cha mẹ là di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên giao cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng là thiếu sót.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Đối với diện tích 5.577,5m² thuộc thửa đất số 240, 243 tờ bản đồ số 8 (nay thuộc thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 26) xã Xuân Th, huyện Th, Ông Châu Hoài Nhật T cho rằng khi cha mẹ còn sống đã chuyển nhượng cho ông giá 7 cây vàng. Việc ông T được cha mẹ chuyển nhượng diện tích 5.577,5m² thuộc thửa đất số 240, 243 tờ bản đồ số 8 và còn thiếu nợ vàng cha mẹ là có thật, có chứng cứ chứng minh là lời nói trong băng ghi âm, nguyên đơn chỉ không thống nhất về diện tích chuyển nhượng, số vàng chuyển nhượng. Cấp sơ thẩm xác định diện tích 5.577,5m² thuộc thửa đất số 240, 243, tờ bản đồ số 8 (nay thuộc thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 26) xã Xuân

Th, huyện Th không còn là di sản thừa kế của cụ Ngh và cụ H để lại là có căn cứ, mà chỉ còn 04 cây vàng là giá trị chuyển nhượng diện tích đất trên ông T còn thiếu nợ cha mẹ là di sản thừa kế. Tuy nhiên, khi giải quyết cấp sơ thẩm không tuyên giao cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng là thiếu sót.

Đối với diện tích 3.361m² đất thuộc thửa đất số 98, 126, tờ bản đồ số 41, xã B, huyện Th là đất nông nghiệp, cấp sơ thẩm giải quyết chia các thừa kế của cụ Ngh và cụ H, nhưng lại chưa hỏi cơ quan có thẩm quyền về việc có được phép tách thửa với diện tích trên hay không là chưa đủ cơ sở.

Đối với diện tích đất 2.568m² thuộc thửa đất số 20, 21, tờ bản đồ số 10 nay thuộc thửa đất số 132,149,150, tờ bản đồ số 35 xã Xuân Th, huyện Th, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2017 thể hiện từ thời ông Nghiêm còn sống đã cho ông Ngô B ngụ tại ấp 9/4, xã Xuân Th, huyện Th thuê để trồng lúa cho đến nay. Cấp sơ thẩm không đưa ông Bồng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bỏ sót.

Đối với tài sản trên đất, một số cây trồng trên đất đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chia là không đúng thực tế.

Biên bản nghị án ngày 14/8/2019 Hội đồng xét xử tiến hành nghị án không đúng quy định tại Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ, bỏ sót tư cách tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên đề xuất: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Châu Hoài Đ, Châu Hoài Phương và một phần kháng cáo của bị đơn Châu Hoài Phú C, Châu Hoài Phương D.

Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Th giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Châu Hoài Đ, Ông Châu Hoài Ph, Bà Châu Hoài Phương D, Ông Châu Hoài Phú C làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Châu Hoài Đ, Ông Châu Hoài Ph và bị đơn Bà Châu Hoài Phương D, Ông Châu Hoài Phú C nhận thấy: Diện tích đất 3.361m² thuộc thửa đất số 634, tờ bản đồ số 17, nay là thửa đất số 98 có diện tích 1.358m² và thửa đất số 126 có diện tích 2003,6m², cùng tờ bản đồ số 4, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K476953 ngày 15 tháng 10 năm 2001 cho hộ cụ Châu Quang Ngh là đất trồng cây lâu năm. Tòa sơ thẩm chia cho ông Châu Hoài Đ diện tích 417,4m² đất thuộc thửa đất số 98a và diện

tích 436,4m² đất thuộc thửa đất số 126a, tờ bản đồ số 41, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai; chia cho Ông Châu Hoài Ph được quyền sử dụng 290,8 m² đất, thuộc thửa đất số 98b tờ bản đồ số 41, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai nhưng chưa thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân huyện Th để xác định diện tích đất trên có được tách thửa theo quy định tại Quyết định số 03/2018/QĐ ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hay không là chưa đúng quy định.

Đối với tài sản trên đất được chia: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2019 tại thửa đất số 98a và thửa 126a, tờ bản đồ số 41 thể hiện trên thửa đất số 126a có một số cây đã chết gồm: 01 cây dừa lớn do cụ Ngh trồng; 01 cây măng cụt loại A ông Ctrông; 01 cây sầu riêng loại A do cụ Ngh trồng; 01 cây chôm chôm loại A do cụ Ngh trồng; thửa đất số 126b có một số cây bị chết gồm: 02 cây chôm chôm loại A do cụ Ngh trồng; 01 cây bưởi loại A do ông Ctrông; 02 cây măng cụt loại A do ông Ctrông; 01 cây sầu riêng loại A do cụ Ngh trồng. Cấp sơ thẩm giải quyết chia cho ông Châu Hoài Đ và Ông Châu Hoài Ph, buộc Ông Châu Hoài Phú C phải giao đất và cây trồng trên đất cho ông Đ và ông Ph trong khi các cây này đã chết là không đúng thực tế.

Tòa sơ thẩm chia cho bà D diện tích 1.620,3m² đất, thuộc một phần các thửa đất số 98 và 126, tờ bản đồ số 41, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản gắn liền với đất nhưng bản án lại không xác định bản vẽ ngày tháng năm nào dẫn đến khó khăn cho việc thi hành án.

[3] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số K476953 ngày 15 tháng 10 năm 2001 được Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Đồng Nai cấp cho hộ cụ Ngh từ năm 2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C661971 ngày 01 tháng 10 năm 1994 được Ủy ban nhân dân huyện Long Kh (cũ) cấp cho hộ cụ Ngh từ năm 1994, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện Th để xác định diện tích đất trên hiện nay có số thửa, số tờ bản đồ, địa giới hành chính thay đổi thế nào, phần đất trên có thay đổi mục đích sử dụng, được quy hoạch, so với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ hay không là chưa đầy đủ.

[4] Về phần chia di sản thừa kế: Nhận thấy Ông Châu Hoài Phú C là người có công sức đóng góp, quản lý tôn tạo di sản thừa kế, ông cũng là người trực tiếp thờ cúng cha mẹ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia cho ông C diện tích 201m² đất thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 41, tại xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Nai mà không chia thêm phần đất ở các thửa khác cho ông Clà chưa hợp lý.

[5] Đối với thửa đất số 20, 21, tờ bản đồ số 10 cũ nay là thửa đất số 132, 149, 150, tờ bản đồ số 35 có diện tích 2.568,3m² tại xã Xuân Th, huyện Th, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2017 đã thể hiện khi còn sống cụ Ngh có cho ông Ngô B, địa chỉ: Ấp 9/4, xã Xuân Th, huyện Th, tỉnh Đồng Nai thuê để trồng lúa và sử dụng cho đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cho rằng hiện tại ông Ngô B không còn thuê đất. Tuy nhiên, Tòa sơ

thẩm cũng cần phải làm rõ trong quá trình thuê đất ông Ngô B có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan hay không để xem xét đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mới đầy đủ.

[6] Đối với phần đất có diện tích 5.577,5m² thuộc thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 26, xã Xuân Th, huyện Th là tài sản của cụ Ngh và cụ H. Theo bị đơn Ông Châu Hoài Nhật T cho rằng ông đã nhận chuyển nhượng của cụ Ngh và cụ H vào năm 1996, giá chuyển nhượng là 07 lượng vàng 24k, việc chuyển nhượng bằng miệng, ông T đã trả cho cụ Ngh và cụ H 02 lượng vàng và 01 lượng vàng do cha mẹ bán đất ở Tây Ninh, để chia cho các con, phần của ông T cha mẹ giữ lại. Tổng cộng, ông T đã thanh toán cho cha mẹ 03 lượng vàng, còn lại 04 lượng vàng thì lúc còn sống cụ Ngh, cụ H có hứa cho ông 1,5 lượng vàng nên ông T còn nợ cụ Ngh, cụ H 2,5 lượng vàng 24k. Ông T đồng ý nhập số vàng này vào khối di sản thừa kế để chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Các đồng nguyên đơn thì cho rằng cụ Ngh và cụ H chỉ chuyển nhượng cho ông T khoảng 3.852m² đất với giá 7,5 lượng vàng 24k, còn 1.725,5m² cụ Ngh không chuyển nhượng.

Tòa sơ thẩm chưa làm rõ diện tích đất hai bên chuyển nhượng là bao nhiêu mà xác định 04 lượng vàng ông T còn thiếu của cha mẹ là di sản thừa kế và không xác định phần đất có diện tích 5.577,5m² thuộc thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 26, xã Xuân Th, huyện Th ai là người được sử dụng là thiếu sót. Trong trường hợp có căn cứ xác định diện tích đất trên ông T đã nhận chuyển nhượng từ cụ Ngh, cụ H thì hướng dẫn ông T yêu cầu công nhận diện tích đất mà ông đã nhận chuyển nhượng từ cha mẹ để vụ án được giải quyết triệt để.

[7] Đối với 04 lượng vàng mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T còn thiếu của cha mẹ về việc chuyển nhượng thửa đất trên, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh giá vàng tại thời điểm xét xử để quy đổi thành tiền mà lại xác định ông T đang giữ số tiền 254.971.428 đồng để chia di sản thừa kế là không có căn cứ.

[8] Biên bản nghị án ngày 14/8/2019 Hội đồng xét xử đã vi phạm quy định Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có ý kiến thảo luận của từng thành viên Hội đồng xét xử, không thảo luận từng vấn đề trong vụ án, về biểu quyết cũng không thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[9] Về áp dụng pháp luật: Tòa sơ thẩm căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết trong vụ án này là chưa đúng, bởi lẽ Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

[10] Về sửa chữa bổ sung bản án: Theo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định việc sửa chữa, bổ sung bản án chỉ thực hiện khi phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai. Tòa

cấp sơ thẩm đã bổ sung và bớt nhiều phần tài sản trong bản án là không đúng quy định của pháp luật.

[11] Như vậy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa nên cần phải hủy Bản án số 04/2019/DS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Châu Hoài Đ, Ông Châu Hoài Ph, Bà Châu Hoài Phương D, Ông Châu Hoài Phú C không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho các ông bà trên mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007594, 0007595 ngày 29.8.2019 và biên lai số 0007610, 0007611 ngày 05.9.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Châu Hoài Đ, Ông Châu Hoài Ph và bị đơn Bà Châu Hoài Phương D, Ông Châu Hoài Phú C.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Th, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Châu Hoài Đ, Ông Châu Hoài Ph, Bà Châu Hoài Phương D, Ông Châu Hoài Phú C không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho các ông bà trên mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007594, 0007595 ngày 29/8/2019 và biên lai số 0007610, 0007611 ngày 05.9.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Nhung

